

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên Xổ số kiến thiết Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH một thành viên do nhà nước 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT - BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT - BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 394/TTr-STC ngày 22/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch kiêm Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Sơn La và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Đức Anh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

QUY CHẾ
Quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên Xổ số kiến thiết Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về công tác quản lý tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Sơn La (sau đây gọi tắt là Công ty) do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La làm chủ sở hữu nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Sơn La.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, giám sát, sử dụng vốn, tài sản tại Công ty.

Chương II
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 3. Vốn của Công ty

1. Vốn thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty được hình thành từ các nguồn: Nguồn vốn chủ sở hữu và nợ phải trả. Trong đó, nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm: Vốn điều lệ, các quỹ của Công ty và lợi nhuận chưa phân phối; nợ phải trả là các khoản nợ đang trong thời gian thanh toán, chưa đến hạn thanh toán.

2. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ là mức vốn cần thiết được được cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty đầu tư để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh xổ số, các ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép kinh doanh và được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Vốn điều lệ được bổ sung hàng năm từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty (nếu có) hoặc do Chủ sở hữu bổ sung hoặc từ các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Tăng vốn điều lệ: Trong quá trình hoạt động, Công ty có nhu cầu tăng

vốn điều lệ sẽ căn cứ vào lĩnh vực kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô để bổ sung vốn điều lệ. Công ty xây dựng phương án trình Chủ sở hữu Công ty xem xét quyết định tăng, giảm vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các Nghị định sửa đổi, bổ sung có liên quan.

- Khi Chủ sở hữu quyết định tăng vốn điều lệ, Công ty phải điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán và đăng ký lại theo quy định.

Điều 4. Quản lý và sử dụng vốn

1. Vốn của công ty chỉ được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

2. Công ty được chủ động sử dụng toàn bộ tài sản, tiền vốn để tổ chức hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty đã được Chủ sở hữu phê duyệt và Quy chế này.

3. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước về đầu tư và xây dựng.

Điều 5. Huy động vốn

1. Công ty được vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức cá nhân ngoài doanh nghiệp, của người lao động thông qua việc ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, với mức lãi suất theo quy định của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với Công ty.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b) Phương án huy động vốn phải đảm bảo hiệu quả và khả năng thanh toán nợ.

c) Người phê duyệt phương án huy động vốn chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thẩm quyền huy động vốn

a) Chủ tịch Công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy

định của Luật đầu tư công.

b) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định sau khi đề nghị và được chủ sở hữu Công ty xem xét, phê duyệt.

Điều 6. Quản lý các khoản nợ phải trả

Việc quản lý các khoản nợ phải trả Công ty thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý nợ do Công ty ban hành.

1. Đối với các khoản nợ phải trả, Công ty có trách nhiệm mở sổ theo dõi các khoản nợ, bao gồm:

a) Nợ phải trả trong nội bộ Công ty: Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phải trả khác cho người lao động, người quản lý doanh nghiệp theo quy chế trả lương, trả thưởng hiện hành của Công ty, theo thỏa ước lao động tập thể đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

b) Các khoản nợ phải nộp ngân sách Nhà nước.

c) Các khoản nợ phải trả Hội đồng xổ số kiến thiết miền Bắc: Các khoản nợ về tiền phân bổ trả thưởng vé giải đặc biệt và giải nhất, về tiền gốc vé xổ số truyền thống, tiền phân bổ chi phí khác theo quy định của Hội đồng xổ số kiến thiết miền Bắc.

d) Các khoản nợ của Công ty đối với các đối tác khi thực hiện các hợp đồng.

đ) Nợ các khoản tiền về các loại bảo hiểm, kinh phí công đoàn theo quy định của pháp luật chưa nộp.

2. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn cam kết. Khi phát sinh các khoản nợ tại Khoản 1 Điều này Kế toán trưởng phải kịp thời báo cáo Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty để căn cứ vào tình hình thực tế có kế hoạch thanh toán kịp thời. Trường hợp không báo cáo kịp thời để phát sinh tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng, vi phạm quy chế đến mức phải bồi thường thì kế toán trực tiếp được giao nhiệm vụ theo dõi và Kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm bồi thường.

3. Chủ tịch kiêm Giám đốc và Kế toán trưởng công ty chịu trách nhiệm toàn bộ về các nghĩa vụ nợ phải trả phát sinh trong Công ty. Định kỳ hàng tháng, hàng quý phải đánh giá, xem xét, phân tích khả năng thanh toán nợ báo cáo Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty để có biện pháp khắc phục kịp thời, tránh để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

Điều 7. Bảo toàn vốn

1. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn do Chủ sở hữu đầu tư và các nguồn vốn hoạt động hợp pháp khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số theo đúng quy định của pháp luật.

2. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đã đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu, Công ty phải báo cáo

Chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát. Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật. Công ty có trách nhiệm mở sổ sách theo dõi chính xác toàn bộ tài sản, tiền vốn. Quản lý và sử dụng theo đúng quy định của chế độ kế toán, thống kê hiện hành, phản ánh kịp thời tình hình sử dụng, biến động về tài sản, vốn. Thường xuyên kiểm tra đối chiếu công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý thích hợp.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng rủi ro trả thưởng.
- Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Dự phòng phải trả về tiền lương.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.
- Các khoản dự phòng khác theo quy định của pháp luật.

Các khoản dự phòng nêu trên được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm báo cáo tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Việc trích lập, sử dụng các khoản dự phòng này theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty quyết định đầu tư vốn ra ngoài Công ty theo ngành, nghề kinh doanh đã được Chủ sở hữu phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Đối với các dự án đầu tư kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh chính là xỏ số kiến thiết, Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty phải trình và báo cáo với Chủ sở hữu cho ý kiến trước khi tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

a) Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài Công ty với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến.

b) Trường hợp dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị lớn hơn mức mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

Điều 9. Quản lý vốn bằng tiền

Vốn tiền mặt của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

1. Đối với tiền mặt tại quỹ của Công ty:

a) Thủ quỹ là người trực tiếp chịu trách nhiệm bảo quản an toàn tiền mặt tại quỹ và chấp hành đúng quy định của pháp luật về quản lý tiền mặt tại quỹ (bao gồm tiền mặt là đồng Việt Nam và các chứng từ có giá trị như tiền).

Công ty có 2 quỹ: Quỹ thu và quỹ chi

- Thủ quỹ thu là người có trách nhiệm thu tiền theo phiếu thu mà kế toán đã lập hàng ngày bao gồm tiền mặt thu từ tiền bán vé, thu tạm ứng... số tiền thu được hàng ngày ngoài số tiền điều chuyển sang quỹ chi để dùng cho chi cho các hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp, thủ quỹ thu phải nộp toàn bộ tiền vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty mở tại các ngân hàng.

- Thủ quỹ chi có trách nhiệm ứng tiền từ thủ quỹ thu đảm bảo chi cho công tác trả thưởng, thanh toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản chi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp...

b) Mọi khoản tiền qua quỹ đều phải lập phiếu thu, phiếu chi và có chữ ký của người có thẩm quyền. Phiếu thu, phiếu chi phải được vào sổ quỹ kịp thời. Nghiêm cấm việc tạm ứng, tạm vay tiền chưa làm thủ tục đã chi tiền ra khỏi quỹ.

c) Không được sử dụng tiền của Công ty vào mục đích cá nhân hoặc các mục đích khác không phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Nếu lợi dụng tiền của Công ty sử dụng vào mục đích cá nhân sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

d) Định kỳ khi kết thúc tháng, quý, năm hoặc đột xuất phải tiến hành kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, lập biên bản và đối chiếu số liệu giữa thực tế và sổ sách. Biên bản kiểm kê được lập phải có đủ chữ ký của những người có liên quan: Kế toán trưởng, Kế toán tiền mặt, Thủ quỹ. Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt phải được lưu giữ trong chứng từ kế toán của Công ty. Chênh lệch kiểm kê quỹ tiền mặt được xử lý (sau khi xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm cá nhân) như sau:

- Thiếu: Thủ quỹ phải bồi thường và nộp ngay số tiền thiếu vào quỹ.

- Thừa: Ghi tăng thu nhập khác.

d) Mức tồn quỹ tiền mặt: Để đảm bảo an toàn quỹ tiền mặt và hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền, Kế toán trưởng Công ty cần tính toán nhu cầu sử dụng tiền mặt hàng ngày báo cáo Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty để xác định mức tồn quỹ tiền mặt hợp lý nhất.

2. Đối với tiền gửi ngân hàng

Việc gửi tiền, rút tiền, chuyển tiền trong tài khoản của Công ty tại ngân hàng do Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty (hoặc người được ủy quyền) chịu trách nhiệm điều hành theo thẩm quyền để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

a) Mọi khoản thu, chi qua ngân hàng phải được thực hiện đúng các quy định của ngân hàng thương mại nơi Công ty có mở tài khoản thanh toán. Nghiêm cấm việc sử dụng tài khoản của Công ty cho các tổ chức, cá nhân khác gửi vào, rút ra không nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

b) Cuối mỗi tháng, kế toán tiền gửi ngân hàng phải thực hiện đối chiếu, xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng hiện còn trên tài khoản. Kế toán trưởng báo cáo số tiền gửi ngân hàng hiện có để cân đối trình Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty phương án sử dụng.

Điều 10. Đầu tư, xây dựng, mua sắm, tài sản cố định của công ty

1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định: Căn cứ chiến lược, kế hoạch các dự án đầu tư phát triển 5 năm và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty:

a) Chủ tịch kiêm giám đốc công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong Báo cáo tài chính quý hoặc Báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý hàng hóa, hàng tồn kho

Hàng hóa, hàng tồn kho của Công ty bao gồm vé xổ số kiến thiết còn tồn trong kho chưa phát hành, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường chưa nhận về kho. Căn cứ vai trò, đặc điểm vận động của hàng tồn kho, Công ty quản lý chặt chẽ hàng tồn kho theo cả chỉ tiêu số lượng lẫn chỉ tiêu giá trị.

1. Vé xổ số kiến thiết: Vé xổ số kiến thiết là loại hàng hóa đặc biệt, là mặt hàng kinh doanh chính của Công ty.

a) Vé xổ số kiến thiết:

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty được toàn quyền chủ động ký kết hợp đồng với các đối tác in vé xổ số, mua vật tư phục vụ cho việc đóng dấu, kiểm tra vé xổ số để cung cấp đầy đủ, kịp thời vé xổ số cho công tác kinh doanh xổ số,

không hạn chế số tiền giá trị hợp đồng. Việc in vé xổ số thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định của pháp luật.

b) Quản lý vé xổ số kiến thiết:

- Vé xổ số kiến thiết phải được quản lý như quản lý tiền.
- Việc cấp phát vé xổ số, cung ứng vé xổ số, bán vé xổ số từ Công ty đến các Phòng giao dịch các huyện, người lao động của Công ty và tổng đại lý, đại lý phải được mở sổ sách theo dõi cụ thể.

2. Đối với khâu bảo quản, dự trữ hàng tồn kho Công ty phải tổ chức hệ thống kho đảm bảo an toàn. Các bộ phận có liên quan có trách nhiệm kiểm tra, xử lý ngay những vé xổ số, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

3. Đối với hàng hóa có đủ các điều kiện để trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho thì vào thời điểm lập báo cáo tài chính hàng năm (ngày 31 tháng 12) thực hiện trích lập hoặc sử dụng theo chế độ quy định hiện hành.

Điều 12. Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Doanh nghiệp xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý nợ phải thu. Quy chế quản lý nợ phải thu quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi nợ.

2. Các khoản nợ phải thu bao gồm:

- Phải thu nợ đại lý xổ số
- Phải thu khoản trả trước cho người bán
- Phải thu tạm ứng cán bộ nhân viên
- Các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng
- Các khoản đầu tư vốn ra bên ngoài Công ty (nếu có)
- Khoản phải thu khác.

Điều 13. Kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê tài sản

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý nhằm xác định số lượng các loại tài sản, công cụ dụng cụ hiện có của Công ty tại các Phòng, Phòng giao dịch, (bao gồm tài sản cố định, tài sản lưu động, các khoản đầu tư dài hạn hoặc đầu tư ngắn hạn, tiền mặt, vé xổ số, công cụ dụng cụ); đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu trong các trường hợp sau:

- a) Thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.
- b) Khi thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu.
- c) Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì các nguyên nhân khác gây ra biến động tài sản của Công ty.
- d) Theo chủ trương của Nhà nước.

2. Khi thực hiện kiểm kê, Chủ tịch kiêm Giám đốc ra quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê. Hội đồng kiểm kê có trách nhiệm báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê. Việc kiểm kê phải phản ánh đúng thực tế. Người lập và người ký báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê.

3. Xử lý kết quả kiểm kê

a) Xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm

- Đối với trường hợp kiểm kê thiếu tài sản so với số liệu ghi trong sổ sách kế toán, nếu do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân có liên quan gây ra thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quyết định của Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty. Giá trị tài sản bị thiếu sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường (hoặc giá trị tài sản thiếu do nguyên nhân khách quan) phần còn lại (nếu có) Công ty được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

- Đối với trường hợp kiểm kê thừa tài sản so với số liệu ghi trong sổ sách kế toán, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản, đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác của Công ty; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

b) Việc xử lý kết quả kiểm kê theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp kiểm kê cụ thể.

Điều 14. Xử lý tổn thất tài sản

Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, công nợ. Khi xảy ra tổn thất tài sản (hư hỏng, làm giảm giá trị tài sản, mất) Công ty phải thành lập Hội đồng xử lý để xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, lập phương án xử lý để báo cáo Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty.

1. Đối với trường hợp tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân thì Hội đồng phải xác định mức độ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân để buộc đền bù thiệt hại. Mức đền bù thiệt hại theo quyết định của Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xử lý tổn thất tài sản.

2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu xảy ra tổn thất thì xử lý theo Hợp đồng bảo hiểm.

3. Đối với những tổn thất do thiên tai, địch họa hoặc do nguyên nhân khách quan gây ra thì do Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 15. Xử lý nợ không thu hồi được

1. Hội đồng xử lý nợ phải xác định rõ nguyên nhân từng khoản thất thu và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp với chế độ quy định hiện hành.

2. Nếu khoản nợ không thu hồi được do lỗi chủ quan của tập thể, cá nhân

gây ra thì người phạm lỗi phải bồi thường. Mức độ bồi thường do Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty quyết định.

3. Khoản chênh lệch giữa thiệt hại và bồi thường nếu còn thiếu thì được bù đắp từ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi không đủ thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

4. Nếu khoản nợ không thu hồi được do nguyên nhân khách quan có đủ điều kiện để xử lý xóa nợ theo quy định hiện hành thì sẽ xử lý xóa nợ. Việc xóa nợ do Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty quyết định. Các khoản nợ khi đã có quyết định xóa nợ, Công ty vẫn phải theo dõi trong thời hạn chế độ quy định và tiếp tục đòi nợ khi có điều kiện.

Điều 16. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- b) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

2. Việc đánh giá lại tài sản theo đúng quy định của Nhà nước, các khoản chênh lệch tăng, giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương IV

QUẢN LÝ DOANH THU, THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ

Điều 17. Doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu của Công ty bao gồm:

a) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

b) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép: Là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo đăng ký kinh doanh của Công ty.

c) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản của Công ty, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính.

2. Thu nhập khác của Công ty bao gồm: Thu từ hoạt động xổ số miền Bắc về quảng cáo trên vé số và truyền hình, các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được, khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, thu tiền phạt đại lý bán vé xổ số vi phạm hợp đồng đại lý bán vé xổ số kiến thiết và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện và thời điểm xác định doanh thu theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 18. Quản lý và sử dụng hóa đơn ấu chỉ

1. Toàn bộ công việc phát hành, sử dụng và quản lý hóa đơn phòng Kế toán-Tài vụ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phải lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật đối với các khoản thu được xác định phải xuất hóa đơn, nghiêm cấm hành vi lập hóa đơn không đúng với số tiền thu và tuyệt đối không lập hóa đơn khống giao cho khách hàng.

Điều 19. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác có liên quan và các khoản chi đặc thù của hoạt động kinh doanh xổ số, bao gồm:

1. Chi phí trả thưởng

Chi phí trả thưởng là số tiền trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng theo quy định.

Đối với loại hình xổ số truyền thống liên kết khu vực miền Bắc: Chi phí trả thưởng bao gồm: Số tiền trả thưởng thực tế của các giải thưởng thuộc trách nhiệm tự chi trả của Công ty và số tiền trả thưởng do Hội đồng xổ số kiến thiết miền Bắc phân bổ.

2. Chi hoa hồng đại lý

Đối tượng chi hoa hồng là các đại lý trực tiếp ký kết hợp đồng với Công ty. Công ty trả đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị vé xổ số đã bán; được quy định riêng cụ thể cho từng khu vực, từng thời điểm, từng loại hình sản phẩm hoặc ghi trong hợp đồng đại lý bán vé; mức chi hoa hồng tối đa cho đại lý không vượt mức tối đa theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng

Mức phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số theo quy định của Bộ Tài chính; đại lý xổ số được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

4. Chi phí quay số mở thưởng, phục vụ quay số mở thưởng, thanh hủy vé xổ số hết hạn lưu trữ và chi cho công tác giám sát của Hội đồng giám sát xổ số

a) Chi quay số mở thưởng gồm chi phí thuê hội trường và các chi phí khác mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng:

- Chi phí quay số mở thưởng vé xổ số truyền thống do Hội đồng xổ số kiến thiết miền Bắc phân bổ.

- Chi phí quay số mở thưởng vé xổ số biết kết quả ngay của Công ty.

b) Chi thanh hủy vé xổ số hết hạn lưu trữ (nếu có):

- Chi thuê ngoài hủy vé xổ số hết hạn lưu trữ, gốc vé xổ số lô tô làm vào ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ (nếu có).

c) Chi chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số:

- Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thành viên Hội đồng giám sát xổ số được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo Quyết định của Ủy ban tỉnh theo từng thời kỳ và Quy chế của Hội đồng giám sát xổ số.

- Chi các hoạt động giám sát khác cho tổ giúp việc HĐXS bao gồm: Giám sát hàng ngày việc thanh hủy vé xổ số lô tô, xổ số truyền thống; giám sát đảo vé xổ số biết kết quả ngay (xổ số cào, xổ số bóc), thanh hủy vé xổ số hết hạn lưu trữ,

5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan công an và các cơ quan có liên quan để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề, làm vé số giả.

- Mức chi hỗ trợ, căn cứ tình hình thực tế, công ty trình cơ quan có thẩm quyền trình chủ sở hữu phê duyệt mức chi hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng

a) Nguyên tắc và điều kiện trích lập:

- Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được thực hiện khi tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch.

- Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý, tại thời điểm trích lập công ty không bị lỗ.

b) Tỷ lệ tối đa trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng:

- Mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa theo quy định; khi tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đạt mức tối đa phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

- Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

7. Chi phí về vé xổ số

Bao gồm chi phí in vé theo giá thanh toán thực tế với nhà in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có); chi phí in vé do HĐXS Miền bắc phân bổ theo quy chế hoạt động của khối xổ số

8. Chi thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng

Bao gồm các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, chi in tờ rơi kết

quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý.

9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết miền Bắc

- Công ty đóng góp chi phí hoạt động chung của Hội đồng xổ số kiến thiết miền Bắc theo quy định.

- Các chi phí khác như chi phí phát hành, chi phí quay số mở thưởng, ... phát hành vé xổ số truyền thống theo cơ chế liên kết phát hành do Hội đồng xổ số kiến thiết Miền Bắc phân bổ.

10. Chi phí lễ tân, khánh tiết, tuyên truyền quảng cáo, chi phí giao dịch, chi phí hội nghị và các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Chi phí hội nghị, tiếp khách và các khoản chi phí khác cho các đại lý bán vé xổ số có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ chi theo quy định của Bộ Tài chính, bao gồm:

- Chi tiếp khách.

- Chi tổ chức hội nghị.

- Chi phí giao dịch, quảng cáo và một số khoản chi liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty cho hệ thống đại lý bán vé xổ số.

11. Chi phí nhiên liệu, xăng dầu: Định mức theo quy chế chi tiêu nội bộ của công ty.

12. Chi phí trả trước: Phân bổ công cụ, dụng cụ lao động và chi phí trả trước khác, thực hiện phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán.

13. Chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

14. Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí có tính chất lương:

Trả cho người lao động theo quy định của Nhà nước và Quy chế sử dụng quỹ tiền lương, thù lao của Công ty.

15. Kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động

16. Chi phí bằng tiền khác, gồm:

- Chi nộp các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất.

- Chi trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động

- Chi phí đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động.

- Chi cho công tác khám bệnh.

- Chi thưởng sáng kiến, cải tiến.

- Chi phí cho lao động nữ.

- Chi phí ăn ca cho người lao động.

- Chi cho công tác Đảng, đoàn thể.
- Khoản thực chi để thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện dân quân tự vệ.
- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Chi phí điện, nước, tiền cước điện thoại, phí bưu chính, Fax, Internet, thuê tên miền, thuê hosting (dịch vụ cho thuê không gian lưu trữ dữ liệu trên các máy chủ), thuê địa chỉ DNS (hệ thống phân giải tên miền trên Internet), lắp đặt hệ thống camera quan sát từ xa, sách, tài liệu quản lý, văn phòng phẩm, phòng cháy chữa cháy, tiền mua bảo hiểm tài sản, tiền mua bảo hiểm con người kết hợp; Tiền thuê vận chuyển, dịch vụ pháp lý, tư vấn, kiểm toán, thẩm định giá để xác định giá trị tài sản dùng để thế chấp, thiết kế. Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, công cụ dụng cụ...
- Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng máy vi tính, máy in, máy fax, máy đếm tiền.
- Chi phí cho Ban Biên tập trang thông tin điện tử và tin học (nếu có)
- Chi công tác phí, bao gồm: Công tác phí khoán theo tháng đi trong tỉnh, công tác phí đi công tác ở tỉnh ngoài. Chi công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài theo quy định hiện hành của nhà nước.
- Chi trang phục cho CBNV.
- Đóng phí Hiệp hội ngành nghề theo mức phí do Hiệp hội quy định.
- Chi công tác an ninh, bảo vệ cơ quan.
- Chế độ thanh toán nghỉ phép hàng năm (nếu có).
- Chi tài trợ: Chi tài trợ cho y tế, giáo dục, khắc phục hậu quả thiên tai, làm nhà cho người nghèo, các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật, các khoản tài trợ theo chương trình của nhà nước, của tỉnh tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (có hồ sơ xác định khoản tài trợ theo quy định). Thực hiện đúng trình tự thủ tục tài trợ theo quy định hiện hành.
- Chi phí cho các cá nhân, đơn vị có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động theo quy định (*được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của công ty*).

17. Nợ phải thu không có khả năng thu hồi

Số tiền còn thiếu sau khi Công ty xử lý trách nhiệm bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan và bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).

18. Trích lập dự phòng: Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo quy định của nhà nước.

19. Chi phí hoạt động tài chính: Các khoản lãi phải trả do huy động vốn, dự

phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn theo quy định của nhà nước (nếu có)

20. Chi phí khác, bao gồm:

a) Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán (nếu có).

b) Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

c) Chi nộp tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế theo quy định hiện hành của nhà nước.

d) Chi nộp tiền bị phạt thuế, truy nộp thuế theo quy định hiện hành của nhà nước.

đ) Các khoản chi phí khác.

Các khoản chi phí để xác định thu nhập chịu thuế đều phải thực hiện theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành, đồng thời phải thực hiện theo các quy chế, quy định và định mức chi tiêu nội bộ của Công ty ban hành. Mức chi phí cụ thể được quy định tại Quy chế định mức chi tiêu nội bộ của Công ty các khoản chi phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ. Một số khoản chi không quy định cụ thể tại định mức chi tiêu nội bộ của công ty thì tùy theo tình hình tài chính hàng năm của công ty Chủ tịch công ty quyết định mức chi cụ thể.

Điều 20. Quản lý doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty

1. Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty được xác định bằng đồng Việt Nam.

4. Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của Công ty và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

Chương V

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 21. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo quy định hiện hành.

Điều 22. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Việc sử dụng các quỹ của Công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng:

a) Công ty phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ doanh nghiệp; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn doanh nghiệp và công khai trong doanh nghiệp trước khi thực hiện.

b) Trong năm tài chính, Công ty chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong Công ty. Không dùng quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

c) Mức thưởng do Chủ tịch Công ty quyết định

4. Quỹ phúc lợi được dùng để

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty bao gồm cả người quản lý Công ty, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kê cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

đ) Mức chi sử dụng quỹ được quy định trong quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi

5. Quỹ thưởng của người quản lý công ty, kiểm soát viên được sử dụng để:

a) Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Người quản lý công ty, kiểm soát viên.

b) Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý công ty và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy chế tiền lương tiền thưởng của người quản lý công ty.

c) Trường hợp người quản lý công ty được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Công ty sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: Để đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh thông qua hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm của công ty.

Chương VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH,

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 23. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm sau gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

Điều 24. Kế toán, thống kê

1. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện chế độ kế toán, thống kê, phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính và lưu giữ tài liệu kế toán theo quy định. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

2. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. Công tác kế toán

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung tại Văn phòng Công ty.

- Bộ máy kế toán tại Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Kế toán trưởng.
- Sổ kế toán được áp dụng theo hình thức chứng từ ghi sổ.

Điều 25. Báo cáo tài chính và báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), kế toán lập và gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê gửi các đơn vị: UBND tỉnh, Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính), Sở Tài chính, Sở Kế hoạch-Đầu tư; Cục Thống kê, Cục Thuế; thời gian chậm nhất là hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý và ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

2. Ngoài báo cáo tài chính được lập theo quy định; định kỳ hàng quý, kết thúc năm, Công ty lập và gửi chủ sở hữu Công ty, Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính) mẫu biểu theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 và theo quy định hiện hành, các báo cáo sau:

- a) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh. (mẫu số 01/BCXS)
- b) Báo cáo tình hình tiêu thụ vé (mẫu số 02/BCXS)
- c) Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số (mẫu số 03/BCXS)
- d) Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý xổ số và chi uỷ quyền trả thưởng của đại lý xổ số (mẫu số 04/BCXS)
- đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước (mẫu số 05/BCXS)

3. Ngoài ra, khi cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu báo cáo đột xuất, phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

Điều 26. Kiểm toán, kiểm tra, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Công ty chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra thì chậm nhất là mười lăm (15) ngày phải gửi cho UBND tỉnh và Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính).

3. Công ty phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Nội dung công khai và thời gian công khai các báo cáo tài chính thực hiện theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch, Giám đốc Công ty chỉ đạo các bộ phận, phòng ban trực thuộc Công ty, phối hợp các đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện quy chế này.

2. Những nội dung liên quan đến quản lý các hoạt động tài chính của Công ty không được quy định tại Quy chế này thì được thực hiện theo những quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm có 7 Chương, 28 Điều và có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

2. Công ty phải xây dựng các quy chế, quy định cụ thể các khoản chi có liên quan đến quản lý tài chính để áp dụng thực hiện trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Trường hợp có sự điều chỉnh quy định của cấp trên hoặc do yêu cầu thực tế cần phải điều chỉnh, bổ sung quy chế Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu công ty để xem xét, quyết định./.
